TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS-ST
Ngày: 29-5-2018
V/v: "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.
2. Ông Phạm Thanh Diễn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1974. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1967. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Vào năm 2014, ông Hồ Văn T có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2; hai bên thỏa thuận, ông T giao thức ăn cho ông T1, bà T2 đến khi mỗi đợt bán heo, gà thì ông T1, bà T2 sẽ thanh toán tiền thức ăn cho ông T. Ngày 06/10/2016, ông T và ông T1, bà T2 tổng kết số tiền còn nợ là 84.924.000 *(tám ươi bốn triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng và ông T thông báo cho ông T1, bà T2 là ông sẽ ngưng giao thức ăn đến khi nào ông T1, bà T2 trả đủ tiền nợ mua thức ăn thì ông T giao tiếp thức ăn. Đến ngày 08/12/2016, ông T1 và bà T2 đã trả cho ông T số tiền là 15.000.000 *(mười lăm triệu)* đồng. Khoảng thời gian từ đầu năm 2017 cho đến nay thì bà T2, ông T1

không tiếp tục thực hiện thanh toán nợ như đã thỏa thuận; ông T nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T1, bà T2 cho rằng ông bà đang gặp khó khăn, nuôi heo thua lỗ, cứ hứa trả mà không trả nợ; ông T đã chấm dứt việc mua bán thức ăn với bà T2, ông T1 vào cuối năm 2016 nên ông T1, bà T2 còn nợ ông T số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng được thể hiện trong Biên nhận ngày 08/12/2016 mà ông đã cung cấp cho Tòa án. Nay ông Hồ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng và không yêu cầu trả lãi suất đối với số nợ trên.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T2 thừa nhận bà và chồng là ông Nguyễn Hữu T1 có nợ ông Hồ Văn T số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng, chữ ký và chữ viết tên trong Biên nhận ngày 08/12/2016 mà ông T cung cấp cho Tòa án là chữ ký của bà T2 và ông T1, số nợ trên xuất phát từ việc nuôi heo của gia đình thua lỗ nên bà T2 không có tiền thanh toán tiền thức ăn heo đã nợ ông T. Lúc mua thức ăn, hai bên thỏa thuận, bà sẽ nợ lại tiền thức ăn đến khi bà bán heo thì sẽ trả tiền; do heo tụt giá bà T2 không có khả năng thanh toán tiền thức ăn cho ông T nên mới lên đến số nợ trên. Ông T1 có biết số nợ này vì bà và ông T1 cùng nhau mua thức ăn chăn nuôi heo để phát triển kinh tế gia đình. Bà T2 và ông T1 đồng ý trả cho ông T số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 3.000.000 *(ba triệu)* đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T1 thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T2 và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Ông Hồ Văn T khởi kiện ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2. Hiện nay, ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969; cùng cư trú tại: Ấp S, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2 là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn T yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2 trả số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng theo giấy nhận nợ ngày 08/12/2016, yêu cầu của ông Hồ Văn T là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông Hồ Văn T và ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T2 thống nhất trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến cuối năm 2016; hai bên có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi. Ngày 08/12/2016, ông Hồ Văn T và ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T2 có lập giấy nhận nợ số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng, việc lập hợp đồng mua bán tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Hồ Văn T và ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T2 là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2 trả số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Phía bị đơn ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T2 đồng ý trả số tiền này và xin ông T trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn chăn nuôi; khi hợp đồng hai bên thỏa thuận sau mỗi đợt bán heo, gà ông T1 và bà T2 thanh toán tiền mua thức ăn cho ông T. Do ông T1 và bà T2 chăn nuôi thua lỗ, không có khả năng thanh toán tiền mua thức ăn nên ông T1 và bà T2 còn nợ ông T số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng. Tại khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản". Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ là có cơ sở nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông T1, bà T2 được trả dần số tiền trên thì ông T không đồng ý nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T1 và bà T2 có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận ông Hồ Văn T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu là: 69.924.000 đồng x 5% = 3.496.200 *(ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm)* đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 428, 438 và 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T đối với ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn T số tiền là 69.924.000 *(sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng. Ghi nhận ông Hồ Văn T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải nộp là 3.496.200 *(ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm)* đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Hồ Văn T là 1.748.000 *(một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0015390 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn